

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/DS-PT

Ngày 26- 3- 2024

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và huỷ Quyết định hành chính cá biệt*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Mạnh Hùng

Ông Nguyễn Xuân Phách

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 268/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu về tài sản và huỷ Quyết định hành chính cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3002/2024/QĐ-PT ngày 11/03/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Đức Q, sinh năm: 1988 và chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1987; cùng địa chỉ: Thôn T10, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, (Q vắng mặt, D vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1966; địa chỉ: Thôn C4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1987 (Có mặt); anh Lê Văn H, sinh

năm: 1986 (Vắng mặt); Cùng địa chỉ: Thôn T11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Văn Huy: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn T11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Quốc H (Vắng mặt) và bà Hoàng Y (Có mặt)- là Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Quốc H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ trụ sở: P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Hải B, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Hải B: Ông Nông Quang T, chức vụ: Phó Chủ tịch (Xin vắng mặt).

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1963, địa chỉ: Thôn T10, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1966; địa chỉ: Thôn C4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

3. Bà Ngô Thị T1, sinh năm: 1963; địa chỉ: T10, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1958; địa chỉ: Thôn T11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn T11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/05/2022 và bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 14/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Đức Q, bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ông Phạm Văn T, bà Ngô Thị T1 (bố, mẹ đẻ anh Phạm Đức Q) có 01 thửa đất với diện tích 898m², trong đó 400m² đất ONT, 498m² đất BHK) tại thửa đất số 612, tờ bản đồ 360-c; địa chỉ: Đ10b, xã T, huyện Đ (nay là Thôn T10, xã T, huyện Đ) được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) từ năm 1996. Đến ngày 23/5/2019 thửa đất nêu trên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên cấp đổi lại GCNQSDĐ cho ông Phạm Văn T đúng với hiện trạng bản đồ năm 1996 của

UBND xã T. Ngày 05/9/2019 ông Phạm Văn T, bà Ngô Thị T1 làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (*sau đây viết tắt là HĐTCQSDĐ*) nêu trên cho anh Phạm Đức Q và chị Nguyễn Thị D. Đến ngày 06/12/2019, anh Q, chị D được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số CQ 490665, sổ vào sổ GCN: CH01384 với tổng diện tích là 898m² đất (trong đó 400m² đất ONT, 498m² đất BHK); Gia đình ông T sử dụng đất ổn định từ năm 1996, không có tranh chấp ranh giới với gia đình bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ chị Nguyễn Thị L).

Năm 2003, ông T xây dựng tường bao bằng gạch theo đường ranh giới giữa đất ông T với đất bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ chị Nguyễn Thị L), có chiều dài khoảng hơn 19m, phía sau do chưa có điều kiện xây tường bao nhưng vẫn còn mốc ngăn cách là cây nhãn, thẳng hàng với tường bao xây bằng gạch mà ông T đã xây. Gia đình bà N đồng ý và không có ý kiến phản đối. Hai gia đình vẫn sử dụng đất ổn định bởi ngăn cách bằng tường bao đó. Tuy nhiên, năm 2015, khi gia đình chị Nguyễn Thị L xây nhà thì phần mi bê tông của mái nhà đã chườm sang phần đất của ông T. Ông T đã nhắc nhở và yêu cầu xây lùi vào nhưng chị L vẫn cố tình xây dựng.

Đến năm 2020, gia đình chị L xây tường bao ở phía sau nhưng không xây thẳng theo tường bao ranh giới có từ năm 2003 mà xây thành hình gấp khúc, lấn sang phần đất ông T đã tặng cho anh Q, chị D; anh Q đã ngăn cản và phá bỏ phần tường bao do gia đình chị L xây. Từ đó, giữa hai gia đình anh Q và chị L xảy ra tranh chấp. Ngày 26/02/2021, chị Nguyễn Thị L khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân (*sau đây viết tắt là TAND*) huyện Điện Biên đối với ông Phạm Văn T và TAND huyện Điện Biên đã thụ lý vụ án số 25/2021/TB-TLVA ngày 12/3/2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, anh Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q biết GCNQSDĐ do UBND huyện Điện Biên cấp ngày 25/4/2015 cho chị L, anh H thể hiện ranh giới thửa đất không thẳng theo như sơ đồ địa chính năm 1996 mà lại là đường “*gấp khúc*”. Phần gấp khúc có chiều rộng là 0,8m, chiều dài 16,7m đã cấp chồng lấn lên đất của ông T (nay là đất của anh Q, chị D), xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Q, chị D. Hiện nay, phần mi bê tông của mái nhà chị L đã chườm sang có chiều rộng 11cm, chiều dài 10m.

Anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu:

- Yêu cầu chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H phá dỡ bỏ phần mi bê tông của mái nhà đã chõm sang đất của anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D có chiều rộng là 0,11m, chiều dài là 10m, chiều cao là 0,35m.

- Yêu cầu chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H phải phá dỡ một phần bể phốt có chiều rộng là 0,24m, chiều dài là 2,4m; chiều sâu của bể phốt được tính từ mặt bể phốt xuống dưới đáy bể phốt để trả lại mặt bằng cho anh chị Q, D.

- Hủy toàn bộ GCNQSDĐ số: BS471644, ngày 25/4/201 do UBND huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp cho chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H.

Ngày 12/12/2022 anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/12/2022 như sau:

- Yêu cầu chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H dỡ bỏ phần mi bê tông của mái nhà đã chõm sang đất của gia đình anh Q, chị D có chiều rộng là 0,11m, chiều dài là 9,9m, chiều cao là 0,33m.

- Yêu cầu chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H phải tháo dỡ một phần bể phốt có chiều rộng là 0,24m, chiều dài là 2,4m; chiều sâu là 1,9m tính từ mặt bể phốt xuống dưới đáy bể phốt để trả lại mặt bằng cho anh Q, chị D.

- Vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy toàn bộ GCNQSDĐ số: BS471644, ngày 25/4/2015 do UBND huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp cho chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H.

2. Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 20/7/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị L, Lê Văn H trình bày:

Về nguồn gốc đất: Ngày 20/12/1996, mẹ đẻ chị L bà Nguyễn Thị N được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ với tổng diện tích 920m², thửa số 613, tờ bản đồ 360-c, trong đó có 400m² đất ở, 520m² đất vườn. Năm 2015 gia đình chị L được mẹ đẻ làm Hợp đồng tặng cho QSDĐ với tổng diện tích là 260m², trong đó 100m² đất ONT, 160m² đất BHK. Ngày 25/4/2015 UBND huyện Đ đã cấp GCNQSDĐ số BS 471644, tờ số 360-c, thửa 613, diện tích 260m² (trong đó 100m² đất ở, 160m² đất vườn). Diện tích đất của gia đình chị L theo GCNQSDĐ chiều rộng giáp mặt đường là 07m, chiều rộng phía cuối thửa đất 7,18m, chiều dài thửa đất là 18,6m, nhưng khi cán bộ quản lý đất đai đi thẩm định tại chỗ và đo thực tế chỉ còn 6,9m. Còn thiếu 10cm do gia đình anh Q đã xây bức tường lửng sát bức tường nhà chị L. Khi đang giải quyết tại Tòa án huyện Điện Biên, chị L không đòi lại 10cm còn thiếu đó. Chị L chỉ yêu cầu gia đình anh Q trả lại cho gia đình chị: 80cm đất chiều

rộng, chiều dài hết thửa đất và khôi phục lại bức tường mà anh Q đã phá bỏ của gia đình chị đã xây như hiện trạng ban đầu.

Nay gia đình anh Q cho rằng nhà chị L xây phần mi mái bê tông của ngôi nhà chườm sang đất của gia đình anh Q chiều rộng 11cm, chiều dài 10m và yêu cầu gia đình chị L dỡ bỏ là không đúng, chị L phản tố: Tháng 4/2015, gia đình chị L làm GCNQSDĐ, cán bộ địa chính có đến đo vẽ thực tế, ông Phạm Văn T (bố anh Q) đã ký giáp ranh. Đến tháng 12/2019, gia đình anh Q làm GCNQSDĐ, cán bộ địa chính không đo vẽ trên thực tế mà đo vẽ theo trích lục cũ, gia đình chị L không được ký giáp ranh, trên sơ đồ vẽ của GCNQSDĐ nhà anh Q lại thể hiện giáp ranh với đất của bà N, thực tế thửa đất nhà chị L và nhà anh Q giáp ranh nhau. Điều này thể hiện cán bộ địa chính làm việc không khách quan, không xem xét và đo vẽ thực tế. Việc cấp GCNQSDĐ cho anh Q là không đúng quy định của luật đất đai. Vì vậy, chị L không đồng ý yêu cầu của anh Q về việc hủy GCNQSDĐ của nhà chị L. GCNQSDĐ của nhà anh Q làm sau GCNQSDĐ nhà chị L và làm không đúng theo quy định của luật đất đai nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D trả lại cho gia đình chị L (L, H) diện tích đất phía cuối thửa đất có chiều rộng 80cm, chiều dài là 16,7m đã lấn sang đất của gia đình chị.

- Yêu cầu anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D khôi phục lại bức tường gia đình chị đã xây do anh Q phá để trả lại nguyên trạng cho gia đình chị. Cụ thể: Xây dựng lại bức tường có chiều dài là 2,4m, chiều rộng là 20cm, chiều cao là 30cm.

- Hủy GCNQSDĐ số: CQ490665 do UBND huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 06/12/2019 cho anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D.

Ngày 26/12/2022, bị đơn chị Nguyễn Thị L sửa đổi yêu cầu phản tố với nội dung: Yêu cầu gia đình ông Phạm Đức Q dỡ bỏ 08 trụ cột tại bức tường bao xây sát tường nhà chị L, mỗi trụ cột chiều rộng là 10cm, chiều dài là 20cm, chiều cao là 1,2m để trả lại cho gia đình chị L.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Đ tại công văn số 1644/UBND-TNMT ngày 22/7/2022.

GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BS 471644, sổ vào sổ CH 00497 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/4/2015 mang tên bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn H, địa chỉ: Đ11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện

Biên nguồn gốc được bà Nguyễn Thị N tặng cho.

GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CQ 480665, số vào sổ CH 01384 do UBND huyện Đ cấp ngày 06/12/2019 mang tên ông Phạm Đức Q, bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thường trú: Đ10b, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nguồn gốc được bà ông Phạm Văn T, bà Ngô Thị T tặng cho.

Việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất của các hộ gia đình bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn H và ông gia đình Phạm Đức Q, bà Nguyễn Thị D là đúng theo quy định pháp luật.

3.2. Ý kiến bà Ngô Thị T1 trình bày: Về nguồn gốc đất gia đình bà T1 nhận chuyển nhượng từ gia đình ông bà Vũ Đình G, Nguyễn Thị Á vào năm 1991 (hiện nay ông G đã chết, bà Á còn sống). Năm 1996 gia đình bà T1 được cấp GCNQSDĐ thửa đất số 612, tờ bản đồ 360-C, diện tích là 989m² đất, trong đó có 400m² đất ở, 589m² đất vườn. Đất của gia đình bà T1 giáp với đất của gia đình bà N. Ranh giới khi tôi mua đất của gia đình bà Á là 01 rãnh nước thẳng chứ không có hình gấp khúc. Đến năm 2003, gia đình bà T1 xây dựng tường bao bằng gạch đỏ theo đường ranh giới giáp rãnh nước giữa hai gia đình có chiều dài khoảng 19m, ở phía sau do chưa có điều kiện xây tường bao nhưng vẫn còn mốc ngăn cách là cây nhãn, thẳng hàng với tường bao bằng gạch mà gia đình bà T1 đã xây. Gia đình bà N đồng ý và không có ý kiến phản đối. Hai nhà vẫn sử dụng đất ổn định bởi tường bao ngăn cách đó. Năm 2019, thì vợ chồng bà T1 làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho anh chị Q, chị D (con trai, con dâu) toàn bộ diện tích đất nêu trên. Anh chị Q, D đã được cấp GCNQSDĐ và sử dụng đất theo đúng hiện trạng đất của vợ chồng bà T1 trước đó, không thay đổi về mốc giới, đúng như bản đồ giải thửa đã xác định.

Năm 2015 gia đình chị Nguyễn Thị L xây nhà thì phần mi mái nhà đã chừa sang phần đất của gia đình bà T1. Gia đình bà T1 đã nhắc nhở và yêu cầu xây lùi vào. Việc anh Q, chị D yêu cầu chị L buộc phá dỡ là có cơ sở.

Đối với việc yêu cầu huỷ GCNQSDĐ do UBND huyện Đ cấp cho chị Nguyễn Thị L vào năm 2015 là không có cơ sở vì gia đình bà T1 mua đất của gia đình bà Á thì ranh giới được xác định là rãnh nước kéo thẳng phù hợp với bản đồ giải thửa, gia đình bà T1 sử dụng ổn định, việc GCNQSDĐ của gia đình chị L thành đường gấp khúc là không đúng, bà T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo

đúng quy định.

Bà T1 không đồng ý với yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị L vì: Chị L yêu cầu gia đình anh Q dỡ bỏ tường lửng và trả lại cho gia đình bà L diện tích đất có chiều rộng 10cm, chiều dài 18,6m là không có căn cứ. Bởi vì, phần tường bao này gia đình bà T1 xây dựng từ năm 2003, nằm trong GCNQSDĐ của gia đình bà, vừa là mốc giới ngăn cách giữa hai gia đình.

Đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ số: CQ490665 do UBND huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 06/12/2019 cho anh chị Q, D là không có cơ sở vì thẩm quyền, hình thức, nội dung hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

3.3. Ý kiến bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị L, anh H vào khoảng tháng 2/2015, vợ chồng L, H đã được cấp GCNQSDĐ vào ngày 24/5/2015 (được tách ra từ thửa số 613, tờ bản đồ 360-c, có diện tích là 920m² được cấp GCNQSDĐ năm 1996). Diện tích thửa đất là 260m², trong đó 100m² đất ở và 160m² đất vườn, tại thửa số 613, tờ bản đồ số 360-c, chiều rộng là 7m, chiều dài là 18,6m; phía sau là 16,7m có chiều rộng là 7,8m. Phía Nam giáp đường bê tông rộng 7m; phía Bắc giáp suối rộng 7,8m; phía Tây giáp đất của bà N chiều dài 35,3m; phía Đông giáp đất ông T (nay là đất anh Q). Thửa đất trên bà N đã tặng cho chị L, anh H. Bà N nhất trí với yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H.

3.4. Ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim N là người đại diện theo uỷ quyền của anh Q, chị D và ông T trình bày: Phần tường bao chị L yêu cầu phản tố nằm trong phần đất của gia đình ông T (nay là đất của anh Q), ông T xây dựng tường bao nằm trong phần đất của mình, vừa là mốc giới ngăn cách giữa hai gia đình. Năm 2015 thì gia đình chị L là con gái bà N có xây nhà và phần mi mái nhà bê tông chườm sang đất của ông T, thì đã được ông T nhắc nhở yêu cầu xây lùi vào phần đất của bà N nhưng chị L vẫn cố tình xây nên hiện trạng phần mi mái nhà của chị L đang chườm sang phần đất của ông T (nay là đất của anh Q, chị D), dẫn tới việc anh Q khởi kiện buộc gia đình chị L phải phá dỡ phần mi bê tông. Ngoài ra, việc chị L khi xây nhà cũng đã xây dựng giáp liền kề với tường bao của gia đình ông T đã xây từ năm 2003. Do vậy, yêu cầu của chị L là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác yêu cầu phản tố của chị L.

Đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ số: CQ490665 do UBND huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 06/12/2019 cho anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D là không

có cơ sở. Bởi vì: Thẩm quyền, hình thức, nội dung hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, đúng với hiện trạng sử dụng và nguồn gốc là nhận tặng cho từ bố mẹ (ông T, bà T1).

Tại Bản án số 04/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 42; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 465, 467 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 174; khoản 2 Điều 175; khoản 1 Điều 176; các Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 129 Luật đất đai năm 2003. Khoản 1 Điều 170; các Điều 167, 168 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32; các Điều 193, 348 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2, 5 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 32 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đức Q và chị Nguyễn Thị Dg như sau:

1.1. Yêu cầu chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn H phá dỡ bỏ phần mi bê tông của mái nhà đã xây lấn sang đất của gia đình anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D, có chiều rộng là 0,11m, chiều dài là 9,9m, chiều cao là 0,33m.

1.2. Yêu cầu chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn H phải phá dỡ bỏ một phần bề phốt có chiều rộng là 0,24m, chiều dài là 2,4m; chiều sâu của bề phốt được tính từ mặt bề phốt xuống dưới đáy bề phốt là 1,9m để trả lại mặt bằng cho anh Q, chị D.

(Kèm theo mảnh trích đo sơ đồ thửa đất tranh chấp giữa ông Q với bà L theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 08/12/2022).

1.3. Hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BS471644, số vào sổ CGN: CH00497 do UBND huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 25/4/2015 cho chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn H.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn H như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn H về việc yêu cầu anh Phạm Đức Q và chị Nguyễn Thị D phải trả lại phần đất ranh giới phía sau nhà có diện tích là $13,36m^2$, trong đó: Chiều rộng là 0,8m, chiều dài là 16,7m.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn H về việc yêu cầu anh Phạm Đức Q và chị Nguyễn Thị D phải khôi phục lại tường xây có chiều dài 2,4m, chiều rộng 0,2m, chiều cao là 0,3m.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn H về việc yêu cầu anh Phạm Đức Q và chị Nguyễn Thị D phải dỡ bỏ 08 trụ cột tường bao, mỗi trụ cột tường bao có chiều rộng 0,1m, chiều dài 0,2m, chiều cao 1,2m.

2.4. Bác yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CQ490665, số vào sổ GCN: CH01384 do UBND huyện Đ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 06/12/2019 cho ông Phạm Đức Q, bà Nguyễn Thị D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên nhận được đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị L với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn kháng cáo không rút kháng cáo, các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích lợi của bị đơn trình bày kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh luận đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vì cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, nhiều nội dung chưa được làm rõ, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ (nguồn gốc đất của các bên chưa được làm rõ). Có một số vi phạm tố tụng (Thẩm phán chủ tọa là bà H nhưng có tên ông P), địa điểm tại Tòa án nhân dân Điện biên phủ)...; Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T cho

anh Q không đúng quy định, ko có ký giáp ranh; Việc án sơ thẩm tuyên buộc chị Nguyễn Thị L phá dỡ mi và bể phốt là khó thi hành án, khó thực hiện.

Anh Nguyễn Văn Đ đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào diễn biến phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, giữ nguyên quyết định của bản án dân sơ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày, tranh luận của các bên đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị đơn phản tố yêu cầu đòi quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xác định đây là tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức và thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 2, khoản 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt một số người tham gia tố tụng nhưng đây là phiên tòa được mở nhiều lần nên Tòa án quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị L:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D.

- Về Nguồn gốc đất của anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D: Diện tích đất 898m² (trong đó 400m² đất ONT, 498m² đất BHK) tại thửa đất số 612, tờ bản đồ

360-c; địa chỉ: Đ10b, xã T (nay là Thôn T10, xã T), huyện Đ trước đây là của gia đình ông Phạm Văn T được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 25/12/1996. Ngày 23/5/2019 sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Điện Biên cấp đổi lại GCNQSDĐ (do GCNQSDĐ cấp năm 1996 mục nát) cho ông Phạm Văn T đúng với hiện trạng bản đồ năm 1996 của UBND xã T. Ngày 05/9/2019 ông Phạm Văn T, bà Ngô Thị T1 đã ký Hợp đồng tặng cho QSDĐ nêu trên cho anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D là phù hợp với các Điều 500, 501, 502, 503 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 167, 168, 170 của Luật đất đai năm 2013.

Ngày 06/12/2019, anh Q, chị D được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số vào sổ GCN: CH01384 với diện tích là 898m² (trong đó 400m² đất ONT, 498m² đất BHK) tại thửa đất số 612, tờ bản đồ 360-c; địa chỉ: Đ10b, xã T (nay là thôn T10, xã T), huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Thửa đất số 612, tờ bản đồ 360-c; địa chỉ: Thôn T10, xã T, huyện Đ của anh Q, chị D giáp ranh với thửa đất số 613, tờ bản đồ 360-c của bà Nguyễn Thị N (nay giáp với đất của chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H), địa chỉ: Thôn T11, xã T, huyện Đ. Về hiện trạng thửa đất của anh Q, chị D đang sử dụng đã được ông T (bố đẻ anh Q) xây tường bao xung quanh 03 phía từ năm 2003 gồm: Phía Đông giáp đất ông Đ với chiều dài 29,81m; Phía Tây giáp đất bà L với chiều dài 19,5m; Phía Nam giáp đường đi trường Mầm Non xã T với chiều dài 31,42m. Tường bao xây tường 10cm, trụ tường 20cm, cao 1,2m chưa tính móng tường, xây bằng gạch nung đỏ.

Mốc giới giữa hai thửa đất của anh Q, chị D với thửa đất của chị L, anh H được ông T (bố đẻ anh Q) xây tường bao ngăn cách từ năm 2003 với chiều dài 19,5m (một đường thẳng). Trong quá trình gia đình ông T sử dụng từ năm 1996 đến năm 2015 giữa hai gia đình ông T (anh Q, chị D) với bà N (chị L, anh H) đều không có ý kiến phản đối hay xảy ra tranh chấp. Trên thực tế vào tháng 9/2015 chị L, anh H xây dựng nhà cấp 4 đổ khung với tổng diện tích là 90m², không đổ mái bằng mà chỉ làm trần thạch cao sát với tường bao của gia đình ông T đã xây từ năm 2003. Khi đào móng nhà gia đình chị L cũng không yêu cầu gia đình ông T phải dỡ bỏ các trụ cột của tường bao như yêu cầu phản tố của chị L.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Tường bao do ông T xây từ năm 2003 là xây dựng trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông T (anh Q, chị D), là mốc giới ngăn cách giữa hai gia đình ông T (anh Q, chị D) với gia đình bà N (chị L, anh H). Nội dung này phù hợp với biên bản làm việc ngày 04/11/2022 với ông Nguyễn

Văn L, trưởng T10, xã T là có căn cứ và kết luận đơn khởi kiện của anh Q, chị D yêu cầu chị L, anh H phá dỡ bỏ phần mi bê tông của mái nhà đã chường sang đất của gia đình anh Q, chị D có chiều rộng là 0,11m, chiều dài là 9,9m, chiều cao là 0,33m. Và phá dỡ một phần bề phốt có chiều rộng là 0,24m, chiều dài là 2,4m; chiều sâu là 1,9m tính từ mặt bề phốt xuống dưới đáy bề phốt là có căn cứ.

[2.2] Về GCNQSDĐ cấp cho anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D:

Thửa đất số 612, tờ bản đồ 360-c có diện tích đất 898m² (trong đó 400m² đất ONT, 498m² đất BHK), địa chỉ: Thôn T10, xã T, huyện Đ của gia đình anh Q, chị D nhận tặng cho từ ông bà T, T1. Năm 1996 ông bà T đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ, năm 2019 được sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Điện Biên cấp đổi lại GCNQSDĐ với diện tích như năm 1996 và cấp đúng hiện trạng sử dụng đất như tường bao xây dựng năm 2003. Năm 2019 ông T, bà T1 tặng cho toàn bộ thửa đất trên cho anh Q, chị D. Ngày 06/12/2019, anh Q, chị D được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số vào sổ GCN: CH01384 với diện tích là 898m² đúng như GCNQSDĐ do sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Điện Biên cấp đổi lại cho ông T. Và cũng phù hợp với sơ đồ địa chính năm 1996 của UBND xã T ngày 09/9/1996, có xác nhận của Sở Địa chính tỉnh Điện Biên (nay sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên) ngày 19/9/1996. Do vậy, việc sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Điện Biên cấp đổi lại GCNQSDĐ cho ông Phạm Văn T và UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về nội dung yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H:

- Về nguồn gốc đất của chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H: Diện tích đất 260m² tại thửa đất số 613, tờ bản đồ số 360-c; địa chỉ: Thôn T11, xã T, huyện Đ của chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H có nguồn gốc nhận tặng cho quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N với tổng diện tích là 260m² (trong đó 100m² đất ONT, 160m² đất BHK) từ ngày 15/4/2015 được tách ra từ diện tích 920m² đất (trong đó 400m² đất ONT, 520m² đất BHK) đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho bà N ngày 20/12/1996. HĐTCQSDĐ giữa bà N với chị L, anh H là phù hợp với các Điều 500, 501, 502, 503 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 167, 168, 170 của Luật đất đai năm 2013.

Ngày 25/4/2015, UBND huyện Đ đã cấp GCNQSDĐ số BS471644, tờ số 360-c, thửa 613, diện tích 260m² (trong đó 100m² đất ONT, 160m² đất BHK) cho

chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H. Trong GCNQSDĐ của chị L, anh H chiều rộng tiếp giáp với mặt đường là 07m (05m đất ONT tiếp giáp với đất bà N, 02m đất BHK tiếp giáp với đất ông T (anh Q, chị D) nhưng trên thực tế chị L, anh H xây nhà trên cả đất ONT và đất BHK.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/12/2022 thì thửa đất của chị L, anh H thể hiện chiều rộng tiếp giáp với mặt đường đi vào trường Mầm Non xã T là 7,18m. Thừa so với Biên bản kiểm tra xác minh hiện trạng sử dụng đất ngày 13/4/2015 và GCNQSDĐ do UBND huyện Đ cấp ngày 25/4/2015 cho chị L, anh H là 0,18m. Mặt khác, căn cứ vào bản đồ địa chính của xã T năm 1996 thì thửa đất số 613, tờ bản đồ số 360-c của bà N phía giáp ranh với đất của ông T là một đường thẳng, chứ không có đường “*gấp khúc*” như GCNQSDĐ mà UBND huyện Đ đã cấp cho chị L, anh H ngày 25/4/2015.

Chị L thừa nhận sau khi được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 25/4/2015 thì đến tháng 9/2015 chị L mới xây nhà; việc xây dựng nhà sang cả đất vườn là chưa đúng quy định vì chưa được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Như vậy, việc chị L, anh H xây nhà sang cả phần đất BHK là tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng ranh giới thửa đất. Khi xây dựng nhà thì mi bê tông của mái nhà đã đổ chườm sang đất của anh Q, chị D, có chiều rộng là 0,11m, chiều dài là 9,9m, chiều cao là 0,33m; bức tường xây có chiều dài là 2,4m, chiều rộng là 20cm, chiều cao là 30cm mà chị L, anh H yêu cầu khôi phục lại và xây bệ phốt có chiều rộng 0,24m, chiều dài 2,4m, chiều sâu là 1,9m tính từ mép bệ phốt xuống đến đáy bệ phốt là xây lấn chiếm sang đất của anh Q, chị D.

Do đó, đơn phản tố của chị L, anh H yêu cầu anh Q, chị D trả lại cho chị L, anh H phần đất phía sau nhà phần tiếp giáp với đất của anh Q, chị D có chiều rộng là 80cm, chiều dài là 16,7m; khôi phục lại tường xây có chiều dài 2,4m, chiều rộng 20cm, chiều cao là 30cm và dỡ bỏ 08 trụ cột tường bao có chiều rộng 10cm, chiều dài 20cm, chiều cao 1,2m là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Về GCNQSDĐ của chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H:

Thửa đất số 613, tờ bản đồ 360-c có diện tích đất 920m² (trong đó, 400m² đất ONT, 520m² đất BHK), địa chỉ: Thôn T11, xã T, huyện Đ là của bà N được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ từ ngày 20/12/1996 giáp ranh với thửa đất số 612, tờ bản

đồ số 360-c địa chỉ: Đ10b, xã T (nay là Thôn T10, xã T), huyện Đ là của gia đình ông Phạm Văn T được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 25/12/1996.

Căn cứ vào Bản đồ địa chính của xã T năm 1996 thì ranh giới hai thửa đất số 612 và thửa đất số 613 (đều tờ bản đồ số 360-c) là một đường thẳng chứ không thể hiện đường “*gấp khúc*” như GCNQSDĐ cấp cho chị L, anh H (BL số 155). Tuy nhiên, tại biên bản về việc kiểm tra - xác minh hiện trạng sử dụng đất ngày 13/4/2015 của UBND T và trích đo sơ đồ thửa đất ngày 15/4/2015 của UBND xã T, có xác nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ ngày 23/4/2015 thì ranh giới tiếp giáp với đất ông T lại thể hiện đường “*gấp khúc*” có chiều rộng là 0,8m, chiều dài là 16,7m không căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nào và cũng không có chữ ký giáp ranh xác nhận của ông T là chưa khách quan.

Căn cứ vào biên bản làm việc với UBND xã T; biên bản làm việc với bà Ngô Thị D là trưởng Thôn T11, xã T và biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn L là trưởng thôn T10, xã T cùng ngày 04/11/2022 đều khẳng định: Việc UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho chị L, anh H phân tiếp giáp với đất ông T (nay là đất anh Q, chị D) có hình “*gấp khúc*” là không đúng với sơ đồ giải thửa của bản đồ địa chính xã T năm 1996.

Căn cứ vào Công văn số 2238/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 29/11/2022 của sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên về việc trả lời Văn bản số 34/2022/CV-TA ngày 08/11/2022 của TAND tỉnh Điện Biên như sau: “...cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất ở nơi chưa có bản đồ địa chính hoặc đã có bản đồ địa chính nhưng hiện trạng ranh giới sử dụng đất đã thay đổi thì Văn phòng đăng ký đất đai sẽ trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất”. ...Khi cấp lại Giấy chứng nhận thì Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm “kiểm tra hồ sơ, trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất”.

Thửa đất của chị L, anh H và thửa đất của anh Q, chị D đều được tặng cho nhưng trước đó đã có “Bản đồ địa chính” của xã T từ năm 1996 và không thay đổi về hiện trạng ranh giới sử dụng đất giữa hộ gia đình ông T (nay là anh Q, chị D) với hộ gia đình bà N (nay là chị L, anh H). Nhưng UBND xã T, Văn phòng đăng ký đất đai (nay là trung tâm Quản lý đất đai) huyện Đ lại trình UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho chị L, anh H thì ranh giới lại có đường “*gấp khúc*” không đúng với “bản đồ địa chính” của UBND xã T ngày 09/9/1996, có xác nhận của sở Địa

Chính tỉnh Điện Biên (nay sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên) ngày 19/9/1996. Do vậy, GCNQSDĐ do UBND huyện Đ cấp ngày 25/4/2015 cho chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H là cấp chồng lần sang đất anh Q, chị D và chưa đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D và không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H là đúng pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đức Q, chị Nguyễn Thị D được Tòa án chấp nhận toàn bộ, yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị L, Lê Văn H không được Tòa án chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm là đúng pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, có căn cứ pháp luật, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, việc thu thập chứng cứ đã đảm bảo giải quyết vụ án, các tài liệu bị đơn xuất trình tại cấp phúc thẩm không đảm bảo tính khách quan và không có tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ án, những vi phạm mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nêu ra không vi phạm nghiêm trọng mà do lỗi cấu thả của người tiến hành tố tụng nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Nguyễn Thị L, giữ nguyên các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị L, giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 17/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000070 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, HCTP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng